

Số: 89/2023/QĐST-HNGĐ

Hoàn Kiếm, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận thuận tình ly hôn

và sự thỏa thuận của các đương sự

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2023, giữa:

***Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Quỳnh N** - Sinh năm: 1972; CCCD số: 001172033248 cấp ngày 10/5/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

***Bị đơn: Anh Phạm Đức T** - sinh năm 1973; CCCD số: 001073014720 cấp ngày 02/5/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng đăng ký HKTT tại: số 58, phố HĐ, phường HĐ, quận HK, Thành phố HN.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211 Điều 212 , 213 của Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 06 năm 2023.

Xét thấy

Chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 14/9/1998 (số 31) tại Ủy ban nhân dân phường HĐ, HK, HN. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N, anh T cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/06/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là Phạm Đức T – sinh ngày 10/11/1999 và cháu Phạm Thùy L sinh ngày 30/05/2006. Cháu T đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét giải quyết. Sau ly hôn, chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thùy L kể từ tháng 06/2023 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về án phí ly hôn:** Chị N tự nguyện chịu cả 150.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng chị đó nộp theo biên lai số 0052386 ngày 09/06/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và được nhận lại số tiền 150.000đ.

3. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;

-VKSND quận Hoàn Kiếm;

-Cơ quan đó thực hiện việc đăng ký kết

hôn;

-Lưu hồ sơ

Đỗ Thị Hồng Hạnh